

Bản án số: 29/2025/HS - ST
Ngày 28/3/2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng.

2. Ông Trương Khánh Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn V, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2025/TLST - HS ngày 14/3/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST - HS ngày 14/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THỊ THANH N**, SN 22/10/1980; Giới tính: Nữ;

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Không. Bố: Trần Văn P, sinh năm 1957; Mẹ: Cao Thị X, sinh năm 1959. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Dương Văn K, sinh năm 1978; Có 02 con, con lớn sinh năm 2000 và con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 138812/QĐ-XP ngày 29/8/2017, Công an huyện Đ đã xử phạt N số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi bán hàng đẽ. Đã nộp phạt xong ngày 03/7/2018;

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa;*

* **Người có QLNVLQ:** **anh** Nguyễn Văn N1, sinh năm 1977; **anh** Lê Duy H, sinh năm 2006. Điều TQ: TT H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và **cháu** Dương Minh Đ, sinh năm 2009 - Đại diện là anh Bé Văn T, sinh năm 1979. TQ: Xóm G, xã M, huyện Đ, Thái Nguyên (*Điều vắng mặt có lý do*);

* **Người làm chứng:** **anh** Nguyễn Đình D, sinh năm 2006; **anh** Dương Văn Đ1, sinh năm 2009; **chị** Nông Thị N2, sinh năm 1984. Điều TQ: T2, huyện Đ, Thái Nguyên và **cháu** Nguyễn Anh Đ2, sinh năm 2009 - Đại diện là chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1984. Trú tại: xóm C, xã B, Đ, Thái Nguyên (*Điều vắng mặt có lý do, trừ chị N2*);

*** Người chứng kiến:** ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1958. Trú tại: TDP C, TT H, huyện Đại Từ, Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 25 phút, ngày 01/01/2025, Tổ công tác của Công an huyện Đ phối hợp cùng với Công an thị trấn T2, huyện Đ tiến hành tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn thì phát hiện tại quán nước của Trần Thị Thanh N thuộc Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, N đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Lê Duy H, sinh năm 2006, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ của Trần Thị Thanh N: **01** chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, màu xanh, bên trong lắp 01 sim thuê bao: 0987.244.251 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, bên trong có lắp 01 sim thuê bao: 0325.825.933; **216.000** đồng, tiền Ngân hàng N4; niêm phong vào phong bì ký hiệu **A**; **01** chiếc bút bi mực màu đen; **01** đôi găng tay cao su màu trắng, N đang đeo trên tay, trên găng tay có một mặt viết các chữ số, (N khai nhận đây là các số lô, số đề N bán); niêm phong vào phong bì ký hiệu **A5**;

- Thu giữ của Lê Duy H: **01** mảnh vỏ bao thuốc lá, một mặt ghi các chữ số: 01,02x50đ; **01** chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu hồng, không lắp sim;

- Thu giữ của Dương Minh Đ, sinh năm 2009, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (con trai N), đang ngồi tại quán nước: **01** chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, bên trong lắp 01 sim thuê bao: 0866.990.223;

Hồi 20 giờ 00 phút ngày 01/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Trần Thị Thanh N, kết quả không phát hiện, thu giữ gì;

Ngày 01/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6s Plus, có lắp sim: 0325.825.933 thu giữ của N, phát hiện: tại mục tin nhắn vào hồi 13 giờ 27 phút ngày 01/01/2025, có tin nhắn từ số thuê bao: 0975.967.211 đến, với nội dung liên quan đến việc mua bán số lô, số đề. N khai nhận chủ thuê bao nêu trên là Nguyễn Văn N1, sinh năm 1977, trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 02/01/2025 Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn N1 đến làm việc, tại Cơ quan điều tra N1 khai nhận việc mua số lô, số đề của N vào ngày 01/01/2025, đồng thời Nhường tự giác giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, màu vàng, bên trong có lắp sim: 0975.967.211 và số tiền 3.300.000 đồng là tiền đánh bạc mua số lô, số đề của N vào ngày 01/01/2025 nhưng chưa thanh toán cho N.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Thanh N khai nhận trong ngày 01/01/2025, N đã có hành vi bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại cho Nguyễn Văn N1 và qua hình thức bán trực tiếp cho Lê Duy H, cụ thể: Vào khoảng 13 giờ 27 phút, N1 sử dụng số điện thoại có số thuê bao: 0975.967.211 của N1 nhắn tin đến số thuê bao 0325.825.933 của N hỏi mua số đề 00,01,02,03,04,05,06,07,08,09 mỗi con 100.000 đồng và số lô 27 là 100 điểm (01 điểm lô N bán với giá 23.000đồng). Sau đó, N nhắn tin "Ok", nghĩa là đồng ý bán số lô, số đề cho N1, N1 chưa thanh toán tiền. Tổng số tiền N1 mua số lô, số đề của N là 3.300.000 đồng. Đến khoảng hơn 17 giờ 00 phút cùng ngày, tại quán nước của N, H mua của N các số lô 01,02 mỗi số 50 điểm. H đã thanh toán tiền cho N bằng hình thức chuyển khoản, H chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng M của H đến tài khoản Ngân hàng B của Dương Minh Đ (con trai N) số tiền 2.300.000đồng. Khi vừa chuyển tiền xong thì bị Tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an thị trấn T2 phát hiện, lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng. Như vậy tổng số tiền, N đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho H và N1 trong ngày 01/01/2025 là 5.600.000 đồng.

Về cách thức chơi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề và cơ cấu giải thưởng, được Trần Thị Thanh N và những người mua số lô, đề thống nhất với nhau sử dụng kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng cùng ngày để đánh bạc, cụ thể:

Về số đề: Người mua số đề sẽ lựa chọn hai số bất kỳ trong dãy số tự nhiên của hai chữ số từ 00 đến 99 để bỏ tiền ra mua và tùy theo ý thích của họ số tiền nhiều hay ít để mua số đề đó. Khi có kết quả xổ số kiến thiết miền B trong ngày, nếu hai số mà người đó chọn và bỏ tiền ra mua mà trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua thắng cược với tỉ lệ cược 1 ăn 70 lần (người mua đề sẽ thắng gấp 70 lần số tiền mua số đề đó) nếu không thắng cược thì người mua bị thua số tiền đã mua số đề.

Về số lô: Người mua số lô lựa chọn hai số bất kỳ trong dãy số tự nhiên của hai chữ số từ 00 đến 99 để bỏ tiền ra mua, quy ước lô được tính bằng điểm, một điểm người mua lô phải trả là 23.000 đồng (*hai ba nghìn đồng*). Khi có kết quả xổ số kiến thiết miền B trong ngày nếu số người mua đó chọn mà trùng với hai số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua thắng cược tỷ lệ là 1 điểm thắng được 80.000 đồng (*tám mươi nghìn đồng*). Nếu số lô mua trùng hai lần thì số tiền thắng sẽ được gấp đôi, nếu số lô mua trùng nhiều lần thì số tiền thắng tối đa chỉ được nhân ba lần. Nếu số lô người chơi mua không trùng với hai số cuối của tất cả các giải thì người chơi thua và mất số tiền mình mua số lô

Vật chứng của vụ án gồm: **Số tiền** 5.816.000 đồng, tiền Ngân hàng N4. Trong đó, 216.000 đồng thu giữ của N khi lập biên bản sự việc, 3.300.000 đồng là tiền đánh bạc do N1 tự giác giao nộp và 2.300.000 đồng là tiền đánh bạc do N tự giác giao nộp); **01** bút bi mực màu đen; **01** đôi găng tay cao su, màu trắng, niêm phong vào phong bì ký hiệu A5; **02** chiếc điện thoại di động, trong đó: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu vàng, có lắp sim: 0325.825.933, niêm phong trong phong bì ký hiệu NG1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, có lắp sim: 0987.244.251,

niêm phong vào phong bì ký hiệu NG2 (thu của Trần Thị Thanh N). Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại tài khoản và kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý; Còn 01 mảnh vỏ bao thuốc lá, một mặt ghi các số lô của Lê Duy H, được đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, không lắp sim thu giữ của Lê Duy H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu hồng thu giữ của Dương Minh Đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn N1. Quá trình điều tra xác định Đ không đồng phạm với N, N bảo H chuyển tiền vào tài khoản của Đ, Đ không biết. Đối với N1 dùng điện thoại nhắn tin mua số lô, số đề của N và H sử dụng điện thoại để chuyển tiền mua số lô, số đề cho N nhưng hành vi của N1, H không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho N1, H, Đ quản lý, sử dụng.

Tại cáo trạng số 34/CT - VKS ngày 10/3/2025, VKSND dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Thị Thanh N phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

*Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị HĐXX **Áp dụng:** khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. **Xử phạt:** bị cáo Trần Thị Thanh N từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo N từ 10 đến 15 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước; Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.*

Tại phần tranh luận: bị cáo không có ý kiến tranh luận. Thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan; nói lời sau cùng: do cuộc sống nên đã nhất thời phạm tội, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thanh N khai nhận: Trong ngày 01/01/2025, tại quán bán hàng nước của mình thuộc T3, TT H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Trần Thị Thanh N đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn N1 số tiền là 3.300.000 đồng và cho Lê Duy H số tiền là 2.300.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 25 phút, khi H vừa thanh toán tiền đánh bạc cho N xong thì bị Tổ công

tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an T2 phát hiện, lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền bị cáo N đánh bạc với N1 và H trong ngày 01/01/2025 là 5.600.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Cáo trạng số 34/QĐ - VKSĐT ngày 10/3/2025 và quan điểm đề nghị tại phiên tòa của VKSND huyện Đại Từ đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và có căn cứ.

Nội dung khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

{3}. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi đánh bạc của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với tính chất giản đơn, cụ thể: trong ngày 01/01/2025 bị cáo đã bán số lô, số đề cho Lê Duy H và Nguyễn Văn N1 với tổng số tiền là 5.600.000 đồng.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS là “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Ngoài ra, bị cáo có bố chồng là thương binh và được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

{5}. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo được sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đủ nhận thức về các việc làm đúng sai của bản thân, năm 2017 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc đến nay đã được xóa án tích. Bản thân đến nay không có tiền án, tiền sự và công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Vì vậy, do hám lời bị cáo đã nhất thời thực hiện hành vi phạm tội.

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy. Bị cáo là người lao động tự do bình thường, không có công ăn, việc làm và thu nhập ổn định, bản thân là nữ giới. Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự (Năm 2017 đã bị xử phạt hành chính nhưng đến nay đã được xóa án tích). Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có 03 tình tiết giảm nhẹ; thực hiện hành vi đánh bạc với tính chất giản đơn, nhất thời; số tiền đánh bạc vừa đủ định lượng để cấu thành tội phạm (5.600.000 đồng). Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX cần cân nhắc, xem xét và đối chiếu với các quy định của pháp luật để có mức hình phạt cho phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm minh, đúng pháp luật, vừa đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

{7}. Về vật chứng vụ án:

+ Số tiền 5.816.000 đồng, tiền Ngân hàng N4. Trong đó, 216.000 đồng thu giữ của N khi lập biên bản sự việc, 3.300.000 đồng là tiền đánh bạc do N1 tự giác giao nộp và 2.300.000 đồng là tiền đánh bạc do N tự giác giao nộp. Xác định số tiền 5.600.000đ là công cụ, phương tiện phạm tội cần được tịch thu sung ngân sách Nhà nước; số tiền 216.000đ là tài sản hợp pháp của bị cáo cần được trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án

+ 01 bút bi mực màu đen; 01 đôi găng tay cao su, màu trắng, niêm phong vào phong bì ký hiệu A5. Xác định là công cụ phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu vàng, có lắp sim: 0325.825.933, niêm phong trong phong bì ký hiệu NG1. Xác định bị cáo sử dụng để giao dịch mua bán lô, đề, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, có lắp sim: 0987.244.251, niêm phong vào phong bì ký hiệu NG2 (thu của Trần Thị Thanh N). Xác định không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

{8}. Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

{9}. Các nội dung có liên quan.

Liên quan đến vụ án còn có các đối tượng tham gia đánh bạc là Lê Duy H và Nguyễn Văn N1. Tuy nhiên, H và N1 là các đối tượng không có tiền án, tiền sự; Tổng số tiền H, N1 sử dụng đánh bạc đều dưới 05 triệu đồng nên không cấu thành tội phạm, Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc theo quy định.

Ngày 01/01/2025, N sử dụng tài khoản Ngân hàng của anh Dương Minh Đ (con trai N) để nhận tiền bán số lô, số đề cho Lê Duy H. Quá trình điều tra xác định anh Đ không biết việc N có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề và không biết việc N sử dụng tài khoản ngân hàng của anh Đ để nhận tiền từ việc đánh bạc, nên anh Đ không đồng phạm với N, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo **Trần Thị Thanh N** phạm tội “*Đánh bạc*”;

Áp dụng: khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị Thanh N 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Thanh N cho T2, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì

Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

*** Hình Phạt bổ sung:** Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Thanh N 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu sung công ngân sách Nhà nước số tiền: 5.600.000 đồng tiền Ngân hàng N4 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu vàng, có lắp sim: 0325.825.933, niêm phong trong phong bì ký hiệu NG1;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Thanh N số tiền 216.000đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, có lắp sim: 0987.244.251, niêm phong vào phong bì ký hiệu NG2 nhưng đều được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi mực màu đen và 01 đôi găng tay cao su, màu trắng, niêm phong vào phong bì ký hiệu A5;

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 30/QĐ - VKSDT ngày 11/3/2025 của VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cùng các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTWQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị Thanh N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo và người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tỉnh + huyện Đại Từ;
- Cơ quan điều tra; UBND Hùng Sơn;
- THAHS + THADS Đại Từ;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ + VT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên